TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HỒI** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 04/2022/QĐST - KDTM	Ngọc Hồi, ngày 22 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 13/2022/TLST- KDTM, ngày 18 tháng 10 năm 2022;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam; Địa chỉ: Số 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm - Hà Nội. Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tấn Lân – Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum; Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đặng Trần Thiện Viễn Phương – Trưởng phòng giao dịch Ngọc Hồi - Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Kon Tum; Địa chỉ: Số 957 Hùng Vương, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum .

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Công Hoan, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến ngày 14/12/2022 ông Nguyễn Công Hoan phải trả cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số tiền nợ 939.986.492 đồng; trong đó nợ gốc 900.00.000 đồng và nợ tiền lãi trong hạn là 32.666.163 đồng, nợ lãi quá hạn 7.320.329 đồng, tổng tiền lãi suất 39.986.492 đồng; theo quy định của pháp luật.

2.2. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự bán đấu giá tài sản thế chấp bảo đảm vay là:

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất; đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số sêri BC 450980; tại thửa đất số 09a1; tờ bản đồ số 34; do Uỷ ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp ngày 24/01/2014; vào sổ cấp GCN số: 1449; Giấy tờ khác về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất: Chưa chứng nhận quyền sở hữu; Chủ sử dụng đất: Ông Nguyễn Công Hoan; sinh năm 1983; Số CMND 233354305 (Ông Hoan nhận chuyển nhượng thửa đất này của ông Ngô Văn Ký và bà Trần Thị Thoa, thủ tục chuyển nhượng hoàn thành vào ngày 07/9/2020); Diện tích đất được cấp: 144m^2; Diện tích đất thế chấp: 144m^2; mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây hàng năm; vị trí thửa đất: Tổ dân phố 2, thị trấn; Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum để trả nợ Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Trường hợp giá trị tài sản đảm bảo vay nói trên không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 23/09/NHNT ngày 23/9/2020, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam hoặc người đại diện hợp pháp được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự bán đấu giá tài sản khác thuộc quyền sở hữu phợp pháp của đương sự để trả cho Ngân hàng hết các khoản nợ.

Áp dụng Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự: Kể từ ngày Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam hoặc người đại diện hợp pháp của ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án; nếu anh Nguyễn Công Hoan không trả hoặc trả chưa hết số tiền phải thi hành án nói trên; thì hàng tháng, tính từ ngày 14 tháng 12 năm 2022 bên phải thi hành án còn phải trả tiền lãi suất theo hợp đồng tín dụng vay từng lần ngắn hạn số: 430/21/CTNHNT.NH, ngày 07/9/2021; thực hiện hợp đồng ngày 07/9/2021.

Về án phí và chi phí tố tụng: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147; các Điều 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội14 qui định về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí kèm theo Nghị quyết nói trên; Các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; các đương sự phải nộp 50% tiền án phí; bị đơn phải nộp toàn bộ 50% tiền án phí dân sự và tiền chi phí tố tụng; nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí và chi phí tố tụng.

Buộc anh Nguyễn Công Hoan phải nộp 20.099.797 đồng (Hai mươi triệu không trăm chín chín nghìn bảy trăm chín bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước;

Buộc anh Nguyễn Công Hoan phải trả cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam hoặc người đại diện hợp của ngân hàng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền chi tố tụng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam 19.839.000 đồng (Mười chín triệu tám trăm ba chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu

tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0002872, ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum; Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam hoặc người đại diện hợp của ngân hàng nhận lại tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- CC THA DS huyện Ngọc Hồi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Hữu Luân

Mẫu số 38-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../...../QĐST-..... (2)	**Độc lập - Tự do - Hạnh phú**
	...., ngày..... tháng ..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày…..tháng……năm ….. về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:…/…./TLST-.....(3) ngày…tháng… năm.....

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:(4)

…….....……..….....

…….....…….....

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:(5)

…….....…….....

…….....…….....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).